TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60 /2019/DS -PT
Ngày 25 / 9 /2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà và ông Phạm Văn Phấn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trương Tấn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện VKS nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương Nam. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23,25 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 58/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về: "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tín dụng, thế chấp vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21 /2019/QĐPT - DS ngày 05 tháng 7 năm 2019

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1962, Trú tại: xóm Đ, xã Đ,Yên Th, Nghệ An, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, Công ty Luật hợp danh Thái Bình Dương Đoàn Luật sư Nghệ An.

Bị đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Việt Ph, Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro NH TMCP S, chi nhánh Nghệ An.Theo Giấy ủy quyền số 115/2019/GUQ - CNNA ngày 20/3/2019.

Địa chỉ: Số 27, đường Quang trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Anh Phan Văn T, sinh năm 1986. Trú tại: xóm Đ1, xã Đông Th,Yên Th, Nghệ An, Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1963. Trú tại: xóm Đ1, xã Đông Th,Yên Th, Nghệ An, Có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn Ngân hàng TMCP S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, Nguyên đơn Phan Văn Tvà người đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 17/11/2014, vợ chồng Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Đcó thế chấp Quyền sử dụng đất của gia đình cho con trai là Phan Văn T vay vốn tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Nghệ An – PGD D với số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1431700101 ngày 17/11/2014. Ngày 21/7/2015, anh T1đã thanh toán hết khoản nợ gốc và lãi suất từ hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1431700101 ngày 17/11/2014.

Khi vợ chồng ông Tđến Ngân hàng rút Giấy chứng nhận QSD đất thì có anh Nguyễn Minh Thành trưởng phòng giao dịch D có nói với Ông T là để GCN QSD đất lại ngân hàng lúc nào cần vay thì làm thủ tục cho nhanh. Nghe vậy, vợ chồng ông T đã để GCNQSD đất tại phòng Giao dịch D mà không lấy về vì cũng có ý định sau này sẽ vay tiếp.

Đến tháng 12 năm 2015, khi vợ chồng ông T lên ngân hàng lấy Giấy chứng nhận QSD đất về thì được nhân viên ngân hàng cho biết là GCN QSD đất của ông Tvà Bà Đ đang được thế chấp cho khoản vay của anh Phan Văn T - con trai ông bà với số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) từ ngày 01/9/2015.

Sau đó, Ông Tcó làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Th ra cơ quan CSĐT công an tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình điều tra, xác minh, cơ quan CSĐT công an tỉnh Nghệ An đã trưng cầu giám định giấy nhận nợ L2 ngày 01/9/2015. Quá trình giám định, Viện kho học hình sự - Bộ công an kết luận: có dấu vết tẩy cơ học số "9" và số "5" ở dòng "Ngày ký" tại giấy nhận nợ L2 ngày 01/9/2015.

Ngày 05/01/2017, Cơ quan CSĐT công an tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định khởi tố vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" để điều tra. Ngày 07/11/2017 Cơ quan CSĐT tiếp tục khởi tố bị can Nguyễn Minh Thành về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đồng thời ra quyết định truy nã số 02 cũng ngày để xác minh, bắt giữ bị can và xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Cơ quan CSĐT công an tỉnh Nghệ An hướng dẫn ông Tkhởi kiện ra Tòa án nhân dân để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình.

Vì vậy, Ông T làm đơn khởi kiện này, yêu cầu tòa án giải quyết: Tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng tín dụng Hạn mức số LD LD1431700101 ngày 17/11/2014 và giấy nhận nợ số L2 ngày 01/9/2015 giữa bên nhận nợ là Ngân hàng Sacombank và bên nợ là anh Phan Văn T; Tuyên vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp số LD1431700101/HĐTC ngày 17/11/2014; Buộc ngân hàng Sacombank chi nhánh Nghệ An trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Ông T và Bà Đ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T thống nhất như phần trình bày của nguyên đơn.

Tại bản tự khai,tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Phạm Thị Việt Ph, Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro NH TMCP S, chi nhánh Nghệ An trình bày:

Việc vay nợ tại Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Nghệ An – PGD D và thế chấp tài sản đối với hợp đồng vay giữa Ngân hàng Sacombank, anh Phan Văn T và vợ chồng Ông Phan Văn T vào ngày 17/11/2014 như trình bày của vợ chồng ông Tân, anh T1là đúng;

Ngày 21/7/2015, anh T1đã thanh toán hết khoản nợ gốc và lãi suất từ hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1431700101 ngày 17/11/2014. Sau đó anh T1tiếp tục vay số tiền 500.000.000 đồng theo giấy nhận nợ L2 ngày 01/9/2015. Việc vay nợ lần 2, giữa Bên vay và cho vay không phải làm lại thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng cũng như thế chấp mà chỉ cần ký vào Giấy nhận nợ là đủ. Căn cứ vào giấy nhận nợ có chữ ký của bên vay là anh T1, vì vậy Ngân hàng không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về kết quả trưng cầu giám định giấy nhận nợ L2 ngày 01/9/2015và việc Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với Nguyễn Minh Thành, Ngân hàng không có ý kiến gì.

Đối với Nguyễn Minh Thành Ngân hàng Sacombank cũng đã ra Quyết định sa thải, hiện anh Th không còn là nhân viên Ngân hàng nữa.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2018/DSST ngày 09/11/2018 của TAND thành phố Vinh đã quyết định: Áp dụng Điều 26, 39 BLTTDS năm 2015; Điều 219, Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Đ và anh Phan Văn T:

1. Hợp đồng tín dụng Hạn mức số LD1431700101 ngày 17/11/2014 kèm giấy nhận nợ số L2 ngày 01/9/2015 giữa bên nhận nợ là Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín và bên nợ là anh Phan Văn T là vô hiệu

2. Hợp đồng thế chấp số LD1431700101/HĐTC ngày 17/11/2014 Giữa bên nhận thế chấp: Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín, bên thế chấp: Ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Đ là vô hiệu

3. Buộc Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa số 81, tờ bản đồ số 11, địa chỉ xóm 13, xã Diễn Yên, huyện D, Nghệ An. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 449100 do UBND huyện D cấp ngày 07/10/2010, số vào sổ cấp GCN: CH 000100 cho Ông Phan Văn T, bà nguyễn Thị Đào.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/11/2018 Ngân hàng TMCP S, đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Chí Hưng , chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Nghệ An kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T yêu cầu Tòa án Tuyên bố Hợp đồng tín tín dụng Hạn mức số LD 1431700101 ngày 17/11/2014 vô hiệu và Giấy nhận nợ L2 ngày 01/9/2015 giữa bên nhận nợ là Ngân hang TMCP S và bên nợ là anh Phan Văn T vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyên Thị Đào nhất trí như ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn Ngân hàng TMCP S giữ nguyên nội dung kháng cáo; đối ý kiến rút đơn khởi kiện của nguyên đề nghị HĐXX tạm ngưng phiên tòa để về xin ý kiến của Ngân hàng vì vượt quá phạm vi ủy quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã rút toàn bộ đơn khởi kiện và bị đơn có văn bản đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299, Điều 311 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/11/2018 Ngân hàng S kháng cáo và nộp tạm ứng án phí, lệ phí đầy đủ theo quy định nên chấp nhận để xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án không thể hiện anh Phan Văn T có yêu cầu độc lập nhưng bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn T là không có căn cứ pháp luật cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện về:

- Hợp đồng tín dụng Hạn mức số LD LD1431700101 ngày 17/11/2014 kèm giấy nhận nợ số L2 ngày 01/9/2015 giữa bên nhận nợ là Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín và bên nợ là anh Phan Văn T là vô hiệu
- Hợp đồng thế chấp số LD1431700101/HĐTC ngày 17/11/2014 Giữa bên nhận thế chấp: Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín, bên thế chấp: Ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Đlà vô hiệu.
- Buộc Ngân hàng TMCP S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp cho ông Tân, Bà Đ.

[3]Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để xin ý kiến đối với việc rút khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn. Ngày 25/9 bị đơn Ngân hàng TMCP S có văn bản đồng ý với việc nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn tại phiên tòa đã được nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không còn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của anh Phan Văn T cấp phúc thẩm thấy rằng: Quá trình tại cấp sơ thẩm anh Phan Văn T làm đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng tín dụng Hạn mức số LD1431700101 ngày 17/11/2014 kèm giấy nhận nợ số L2 ngày 01/9/2015 giữa bên nhận nợ là Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Thương Tín và bên nợ là anh Phan Văn T nhưng tại bản án không thể hiện yêu cầu này, tại phiên tòa phúc thẩm anh T1xuất trình Biên lai thu tiền số 0009605 ngày 15/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh nhưng căn cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện anh T1không nộp Biên lai thu tiền cho tòa sơ thẩm nên cấp sơ thẩm không xem xét, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh T1vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1431700101 ngày 17/11/2014 và Giấy nhận nợ L2 ngày 01/9/2015 vô hiệu đã được cấp sơ thẩm quyết định. Cấp phúc thẩm thấy rằng tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn T tại phiên tòa phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết yêu cầu của anh T1, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét yêu cầu độc lập của anh T1. Do đó,trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện cho anh T1. Anh T1có quyền khởi kiện bằng một án khác theo thủ tục chung.

[6] Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm và đã được đại diện bị đơn đồng ý. Căn cứ điểm b khoản 1Điều 299 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8] Về án phí: Đại diện bị đơn kháng cáo nhưng phần kháng cáo của bị đơn đã được nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa nên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đình chỉ vụ án nên không xem xét kháng cáo của bị đơn, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 299,Điều 308, điều 311, Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

1.Hủy Bản án sơ thẩm số 34/2018/DS - PT ngày 09/11/2018 và đình chỉ giải quyết vụ án về:

- Hợp đồng tín dụng Hạn mức LD 1431700101 ngày 17/11/2014 kèm Giấy nhận nợ số L2 ngày 01/9/2015 giữa bên nhận nợ là Ngân hàng TMCP S và bên nợ là anh Phan Văn T là vô hiệu.

- Hợp đồng thế chấp số LD 1431700101/HĐTC ngày 17/11/2014 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP S và bên thế chấp Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Đ là vô hiệu.

- Buộc Ngân hàng TMCP S trả lại Giấy nhận quyền sử đất thửa số 81, tờ bản đồ số 11; địa chỉ xóm 13, xã D, huyện D , tỉnh Nghệ An.

2.Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo thủ tục chung.

3.Về án phí: Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín phải chịu 150.000 đồng án phí phúc thẩm và 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002960 ngày 28/2/2019 giữa Ngân hàng TMCP S và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh; Trả cho anh Phan Văn T 300.000đ chi phí khởi kiện đã nộp theo Biên lai số 0009605 ngày 15/10/2018 giữa anh Phan Văn T và Chi cục thi hành án thành phố Vinh. Ông Phan Văn T phải chịu 150.000đ án phí phúc thẩm và 300.000đ án phí DSST nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền số 0005339 ngày 15/6/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Vinh;
- VKStỉnh Nghệ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Minh